

ỨNG DỤNG MẠNG XÃ HỘI ĐỂ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NÓI VÀ VIẾT TIẾNG ANH CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ: MỘT TIẾP CẬN TỪ TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC

Nguyễn Thanh Liêm

Nghiên cứu sinh Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Văn Tứ

Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Email: liemnt.ncs@hcmute.edu.vn.

Tóm tắt: Tiếp cận tâm lý học giáo dục trong việc ứng dụng mạng xã hội để phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Anh cho học sinh trung học cơ sở là một cách tiếp cận có hiệu quả trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Bằng các phương pháp nghiên cứu của khoa học giáo dục, bài viết đã trình bày một số khái niệm cơ bản, khái quát những lý thuyết tâm lý học cơ bản, đánh giá chung thực trạng, từ đó có những phân tích về mặt tích cực, tiêu cực của việc ứng dụng mạng xã hội, đề xuất những kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Anh cho học sinh trung học cơ sở, góp phần đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

Từ khóa: Tâm lý học giáo dục, mạng xã hội, kỹ năng nói và viết tiếng Anh, học sinh trung học cơ sở.

Nhận bài: 6/11/2025; Biên tập: 7/11/2025; Phản biện: 8/11/2025; Duyệt đăng: 14/11/2025.

1. Mở đầu

Hiện nay, sự tác động của chuyển đổi số, mạng xã hội (MXH) tới tất cả lĩnh vực của cuộc sống con người là một quy luật tất yếu, phát triển nhanh và có những đột phá về nhiều phương diện. Chuyển đổi số và MXH đã ảnh hưởng tới hoạt động dạy học ngôn ngữ, dạy học ngoại ngữ, trong đó có việc dạy học tiếng Anh, một ngôn ngữ quốc tế và là ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường Việt Nam. Học tiếng Anh với tư cách là ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường không thể không chịu tác động của chuyển đổi số, MXH: vấn đề này đã được nghiên cứu, vận dụng, khẳng định ở nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, sử dụng MXH để phát huy hiệu quả dạy học tiếng Anh như thế nào để phù hợp với tâm lý xã hội, tâm lý lứa tuổi, giải quyết những lo ngại của nhà trường, gia đình và xã hội là vấn đề cần có sự nghiên cứu, đánh giá khoa học, trong đó cách tiếp cận của Tâm lý học giáo dục. Ứng dụng chuyển đổi số và MXH trong hoạt động dạy học nói chung và dạy học môn Tiếng Anh ở trường trung học cơ sở (THCS) đã được nghiên cứu từ các phương diện khác nhau.

Việc ứng dụng MXH trong dạy học tiếng Anh tại Việt Nam nói chung và ở trường THCS nói riêng còn đối mặt các thách thức về mặt lý luận và thực tiễn, cần phải có những cách tiếp cận khác nhau để có biện pháp tháo gỡ. Từ cách tiếp cận của Tâm lý học giáo dục, các yếu tố như động lực học tập, tự chủ, tự hiệu quả, tương tác xã hội, áp lực đồng trang lứa và cảm xúc khi học ngoại ngữ quyết định hiệu quả tiếp nhận và phát triển kỹ năng ngôn ngữ,... không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình luyện nói, viết mà còn chi phối mức độ tham gia, hứng thú, năng lực vượt qua rào cản tâm lý và duy trì động lực trong môi trường số, nơi học sinh (HS) luyện tập, chia sẻ, nhận phản hồi và phát triển năng lực tiếng

Anh một cách liên tục, tự nhiên, bền vững. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu lý luận, phương pháp nghiên cứu thực tiễn, phương pháp thống kê để nghiên cứu việc ứng dụng MXH trong việc phát triển năng lực tiếng Anh cho HS THCS, phân tích vai trò của nó đối với phát triển năng lực tiếng Anh của HS THCS, xác định các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến hiệu quả ứng dụng, nêu kiến nghị về việc ứng dụng MXH trong việc dạy học môn Tiếng Anh ở trường THCS trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.2. Một số vấn đề lý luận liên quan

2.2.1. Các khái niệm cơ bản

Tâm lý học giáo dục nghiên cứu các quy luật tâm lý chi phối quá trình dạy học, giáo dục và sự phát triển nhân cách trong môi trường nhà trường (Rudolf Pintner & các tác giả, 2023); làm sáng tỏ cách con người học tập, tiếp nhận tri thức, hình thành giá trị, thái độ và kỹ năng; đồng thời đánh giá hiệu quả các can thiệp giáo dục (GD), tâm lý học giảng dạy và những yếu tố xã hội trong tổ chức GD. Với tính chất liên ngành, Tâm lý học giáo dục vừa kế thừa vừa đóng góp cho khoa học nhận thức, thiết kế dạy học, công nghệ GD, phát triển chương trình, GD đặc biệt và quản lý lớp học, đồng thời quan tâm tới cả người học phổ thông và các nhóm đặc thù như trẻ tài năng hay trẻ khuyết tật. Theo Lê Công Tuấn và các tác giả (2024), trong dạy và học ngoại ngữ, các yếu tố tâm lý giữ vai trò then chốt; chi phối động lực học tập, dự báo quan trọng của thành công, khả năng tự chủ học tập, tự xác lập mục tiêu, lập kế hoạch, lựa chọn chiến lược và tự đánh giá; làm giảm áp lực đồng trang lứa, nỗi sợ sai, thái độ đối với công nghệ và khả năng thích

ứng với môi trường học tập số, quyết định mức độ tận dụng tài nguyên và cơ hội luyện tập.

Kỹ năng nói và kỹ năng viết là những kỹ năng quan trọng của việc dạy học tiếng Anh. Kỹ năng nói không những củng cố từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm, mà còn nhằm rèn luyện khả năng sử dụng tiếng Anh một cách linh hoạt, tự tin và phù hợp ngữ cảnh, cải thiện phát âm và ngữ điệu chính xác, mạch lạc thông qua các hoạt động như thảo luận, tranh biện, thuyết trình, đồng thời chú ý đến các quy ước dụng học và chuẩn mực xã hội giao tiếp. Kỹ năng viết được xem là năng lực chuyên biệt nhằm đạt đích giao tiếp và tôn trọng chuẩn mực văn viết, đòi hỏi tính linh hoạt và sáng tạo vượt qua khuôn mẫu cứng nhắc, biểu đạt ý tưởng một cách rõ ràng, hiệu quả và sáng tạo, đồng thời tuân thủ các quy ước của văn bản. Các mô hình nhận thức về viết nhấn mạnh đây là một quá trình phức hợp gồm lập kế hoạch, tạo bản nháp, rà soát và chỉnh sửa; phản hồi giữ vai trò trọng yếu trong việc cải thiện chất lượng văn bản qua thời gian. Sự phát triển kỹ năng viết gắn với chuyển dịch nhận thức từ cách nhìn “sản phẩm tĩnh” sang “quy trình” dựa trên thực hành lặp, tư duy phản tỉnh và phản hồi có cấu trúc; đồng thời kết hợp nâng cao độ chính xác ngữ pháp và mở rộng vốn từ để tăng tính rõ ràng và dễ hiểu. Môi trường số và mạng xã hội có thể hỗ trợ cộng tác, đồng biên tập, lưu vết phiên bản và phản hồi kịp thời, qua đó thúc đẩy năng lực viết trong bối cảnh học tập hiện đại.

Mạng xã hội vừa là hạ tầng kỹ thuật số vừa là môi trường xã hội năng động, nơi người dùng kiến tạo, chia sẻ nội dung và duy trì các mối quan hệ; là không gian số nơi blog, facebook, TikTok,... được tạo lập và phân phối rộng rãi, tạo điều kiện cho giao tiếp và lan tỏa ý tưởng. Ở góc độ cấu trúc, MXH là mạng lưới các “nút” và liên kết thể hiện mối quan hệ và tương tác giữa các cá nhân. Các nền tảng dựa trên Internet cho phép người dùng sáng tạo, trao đổi và chia sẻ nội dung theo nhiều hình thức, xây dựng hồ sơ cá nhân và kết nối, từ đó thúc đẩy đổi mới và tương tác liên tục. MXH đã được sử dụng rộng rãi trong hoạt động GD, đặc biệt là dạy học tiếng Anh, đóng vai trò chiếc cầu nối giữa lý thuyết và thực hành, kiến tạo bối cảnh giao tiếp xác thực, mở rộng cơ hội phản hồi và hợp tác, nuôi dưỡng động lực; song cần đi kèm khung an toàn số và định hướng sự phạm rõ ràng để bảo đảm chất lượng và tính bền vững của hoạt động dạy học.

Học sinh THCS (khoảng 11 - 15 tuổi) kéo dài bốn năm (lớp 6 đến lớp 9). Theo Tâm lý học giáo dục và lý thuyết về giai đoạn phát triển, đây là thời kỳ các em phát triển toàn diện về tri thức, kỹ năng, đạo đức và năng lực cá nhân, có những biến đổi mạnh về thể chất, cảm xúc và xã hội; năng lực tư duy trừu tượng, suy luận giả định và diễn dịch, phân tích, tổng hợp và khái quát được nâng cao, trong khi nhu cầu khẳng định bản thân và độ nhạy với đánh giá

của bạn bè gia tăng. Các em có xu hướng khám phá không gian số, dễ bị ảnh hưởng bởi môi trường xung quanh nhưng cũng ngày càng phát triển năng lực số nhờ sự hỗ trợ của gia đình, thiết bị công nghệ và điều kiện học tập hiện đại. Những đặc điểm này chi phối việc thiết kế nhiệm vụ học tập phù hợp với vùng phát triển gần nhất, tăng quyền lựa chọn để nuôi dưỡng tự chủ, xây dựng chuẩn mực phản hồi an toàn nhằm giảm lo âu, tận dụng nền tảng số để tạo tương tác có ý nghĩa, theo dõi tiến bộ và bồi dưỡng năng lực tự quản lý học tập trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.1.2. Một số lý thuyết của Tâm lý học giáo dục liên quan đến việc ứng dụng mạng xã hội trong việc phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Anh cho học sinh THCS

Thuyết Tự quyết (Self-Determination Theory). Theo lý thuyết này, người học duy trì động lực tối ưu khi ba nhu cầu tâm lý cơ bản được đáp ứng: tự chủ, cảm nhận năng lực và liên kết xã hội. Trong lớp học tích hợp MXH, nhu cầu tự chủ được nuôi dưỡng khi HS có quyền chọn chủ đề, định dạng sản phẩm (video ngắn, podcast, bài viết), thời điểm nộp và phạm vi hiển thị (bản nháp, nhóm kín, trong lớp), từ đó hình thành cảm giác sở hữu và tăng mức tham gia. Cảm nhận năng lực được củng cố nhờ nhiệm vụ theo bậc thang, tiêu chí đánh giá rõ ràng, phản hồi kịp thời và cơ chế cho phép chỉnh sửa nộp lại, giúp người học nhìn thấy sự tiến bộ, củng cố động lực học tập. Nhu cầu liên kết xã hội được thỏa mãn trong một cộng đồng lớp học an toàn, tôn trọng, khuyến khích cộng tác viết và phản biện, qua đó giảm e ngại và tạo điều kiện cho thử nghiệm diễn đạt mới.

Thuyết Tự hiệu quả (Self-efficacy). Reinhardt, J. (2019), Siddig, B. (2020), Rudolf Pintner & các tác giả (2023) đã chỉ ra bốn nguồn hình thành tự hiệu quả và cả bốn có thể được kích hoạt hiệu quả trên MXH. Trải nghiệm thành công được thiết kế qua lộ trình phân bậc, kèm hệ thống theo dõi tiến bộ theo thời gian để HS so sánh với chính mình thay vì với bạn bè. Mô hình hóa qua quan sát được triển khai bằng sản phẩm mẫu ở mức tương đồng, kèm chú giải, giúp mục tiêu trở nên cụ thể và trong tầm với. Thuyết phục xã hội phát huy tác dụng khi phản hồi cụ thể, bám sát tiêu chí, nêu điểm mạnh, điểm cần cải thiện và gợi ý bước tiếp theo, hiệu quả hơn lời khen chung chung. Điều tiết cảm xúc được hỗ trợ nhờ cho phép quay thử nhiều lần, nộp trong nhóm kín, thực hiện nhiệm vụ ngắn và sửa - nộp lại, qua đó giảm lo âu trình bày trước đám đông. Ngược lại, phê bình công khai, bảng xếp hạng hay nhấn mạnh “like, view” có thể bào mòn tự hiệu quả và dẫn tới né tránh nhiệm vụ; vì vậy, cách hiển thị kết quả và huấn luyện phản hồi mang tính xây dựng là then chốt.

Thuyết Học tập xã hội (Social Learning). Dưới góc nhìn học tập xã hội, việc học hiệu quả khi người học được quan sát mẫu phù hợp, thực hành theo

cách riêng và nhận cũng cố đúng lúc. Trên nền tảng MXH, hiệu quả này được tăng cường khi hiện diện xã hội cao, người học cảm thấy có bạn đồng hành, được lắng nghe và nhận phản hồi ý nghĩa. Việc sử dụng mẫu nói - viết vừa sức làm nổi bật chiến lược như mở bài, chuyển ý, diễn đạt lại hay tự sửa lỗi để hướng trọng tâm việc học tập. Việc “bắt chước có điều chỉnh” khuyến khích tái sử dụng cấu trúc và cụm từ đã học cho chủ đề mới, kết hợp dàn ý mẫu để hỗ trợ ghi nhớ mà không rơi vào sao chép máy móc. Để củng cố, việc sử dụng thang đo trực tuyến và tiêu chí (trời chảy, mạch lạc, chính xác) sẽ định hướng hành vi về mục tiêu học tập. Hiện diện xã hội được duy trì qua phản hồi kịp thời bằng văn bản, giọng nói hoặc video ngắn, cùng các phiên trao đổi mục tiêu rõ ràng, giúp người học tự tin, giảm lo âu khi nói, viết. Cần kiểm soát chất lượng mẫu, quy tắc bình luận an toàn và giới hạn phạm vi chia sẻ sản phẩm trong lớp cho tới khi có thỏa thuận, nhằm tránh bắt chước sai lệch và bảo vệ sáng tạo cá nhân.

2.1.3. Những vấn đề về ứng dụng mạng xã hội trong phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Anh cho học sinh trung học cơ sở

2.1.3.1. Những yếu tố Tâm lý học giáo dục tác động đến việc học tiếng Anh qua mạng xã hội

Mạng xã hội, với đặc trưng tương tác thời gian thực, không gian học tập mở và cơ chế phản hồi đa nguồn, là cơ hội phát triển năng lực tiếng Anh. Hiệu quả học qua MXH phụ thuộc vào các yếu tố như động lực, tự chủ, tự điều chỉnh, tự hiệu quả, gắn kết xã hội, cảm nhận an toàn tâm lý. Khi được thiết kế, điều phối phù hợp, việc ứng dụng MXH có thể phát huy các yếu tố tích cực, hạn chế yếu tố tiêu cực.

Các tác động tích cực của MXH đối với dạy học tiếng Anh thể hiện ở các phương diện: a) Tương tác động lực học tập (gia tăng tần suất, chất lượng trao đổi giữa giáo viên, HS và giữa HS, hình thành cộng đồng thực hành với phản hồi kịp thời, nâng cao hứng thú, động lực dạy học); b) Cá nhân hóa (người học chủ động theo dõi trang, nhóm, tài khoản học thuật phù hợp; có định hướng nội dung, giúp điều chỉnh trải nghiệm theo mục tiêu, nhu cầu, trình độ, điều kiện dạy học); c) Tự học linh hoạt (tính di động và truy cập mọi lúc, mọi nơi, mọi điều kiện, hỗ trợ tự điều chỉnh nội dung, đánh giá); d) Hứng thú (các định dạng đa phương tiện như video ngắn, podcast, livestream,... kích hoạt cảm xúc tích cực và động lực nội tại); e) Giao tiếp tự tin thực hiện các tính năng bình luận, nhắn tin, gọi video tạo cơ hội tương tác ngôn ngữ, phát triển năng lực giao tiếp.

Tuy nhiên, cùng với lợi ích là các thách thức tâm lý, sự phạm. Sự lệ thuộc vào “lướt” MXH có thể bào mòn kiểm soát chú ý, cản trở tư duy sâu và tự chủ; thời gian màn hình kéo dài liên quan các hệ quả tiêu cực về giấc ngủ, cảm xúc và nhận thức, ảnh hưởng hiệu quả học tập. Chỉ số xã hội (lướt

thích, lướt xem) thúc đẩy so sánh xã hội và dễ gây giảm tự trọng, tăng lo âu. Lo ngại về bảo mật, quyền riêng tư và rủi ro tiêu cực trong tương tác trực tuyến cũng có thể xói mòn an toàn tâm lý. Các tiếp cận Tâm lý học giáo dục cũng đang làm rõ về mức độ thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản (tự chủ, năng lực, gắn kết) trong phát triển năng lực tiếng Anh qua MXH; cơ chế hình thành, lưu trữ, đăng xuất các kỹ năng tiếng Anh trong học tập, thực hành dưới các điều kiện tương tác đa dạng; vai trò điều tiết của yếu tố văn hóa, ngôn ngữ, hạ tầng số và chuẩn mực trường học ở lứa tuổi HS phổ thông.

2.1.3.2. Ứng dụng mạng xã hội để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh

Trong bối cảnh lớp học số, MXH tạo điều kiện cho những không gian giao tiếp an toàn về tâm lý, giúp HS giảm lo âu trước tình huống đối thoại trực tiếp và sẵn sàng thử nghiệm cách diễn đạt mới. Giao tiếp dựa trên MXH, nhờ tính ẩn danh tương đối và khả năng kiểm soát mức độ tham gia, khuyến khích HS chủ động thảo luận, tranh luận trực tuyến, qua đó cải thiện năng lực giao tiếp. Công nghệ nhận dạng giọng nói được ghi nhận như một đòn bẩy quan trọng cho phản hồi phát âm kịp thời và chính xác hơn so với bối cảnh lớp học truyền thống, từ đó nâng cao cả phát âm lẫn độ tự tin khi nói cho HS. Các nền tảng nhắn tin xã hội tạo nên những lợi ích kép: kỹ năng nói được cải thiện đồng thời với sự phát triển vốn từ và lựa chọn từ ngữ phù hợp ngữ cảnh, nhờ cơ hội thực hành hội thoại thường xuyên và phản hồi tức thời từ bạn học và giáo viên. Khi tận dụng facebook hay messenger để tổ chức trao đổi thông tin, thảo luận nhóm, gọi video hoặc gửi tin nhắn giọng nói, lớp học mở rộng thành một cộng đồng thực hành, nơi HS có thể lặp đi lặp lại chu trình diễn đạt, nghe phản hồi, tự điều chỉnh mà không chịu áp lực quan sát trực diện. Tính năng lưu trữ và phát lại cũng cho phép HS tự đánh giá, theo dõi tiến bộ và điều tiết cảm xúc trước khi công khai sản phẩm. Tuy nhiên, chất lượng phản hồi và cách kiểm soát chỉ số xã hội (như lướt thích, lướt xem) cần được định hướng sự phạm để tránh những tác động tiêu cực như làm tăng lo âu, giảm động lực nội tại, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả phát triển kỹ năng nói.

2.1.3.3. Ứng dụng mạng xã hội để phát triển kỹ năng viết tiếng Anh

Các nghiên cứu cho thấy, MXH thúc đẩy quá trình viết theo hướng quy trình, nhấn mạnh lập kế hoạch, soạn nháp, nhận phản hồi và chỉnh sửa tuần tự. Khi HS tham gia thảo luận trên lớp học facebook để hoàn thành nhiệm vụ viết, môi trường thân thiện và tương tác bạn bè giúp người học thoải mái hơn, tích cực trao đổi ý tưởng và cải thiện sản phẩm nhờ phản hồi đồng đẳng. MXH đã đóng vai trò như công cụ hỗ trợ đồng thời kỹ năng nói và viết, giúp mở rộng vốn từ và tối ưu lựa chọn từ ngữ nhờ tần suất tương

tác cao. Người học đồng thời là biên tập, đọc - phản hồi - chỉnh sửa lẫn nhau, tạo điều kiện học hỏi ngay tức thì, cải thiện cấu trúc câu và phát triển kỹ năng viết qua trao đổi liên tục; khẳng định hiệu quả của tích hợp công cụ trực tuyến vào dạy viết, đặc biệt khi khuyến khích tự kiểm tra, tự chỉnh sửa và phản hồi đa nguồn; gia tăng sự tham gia chủ động và tính tương tác của HS. MXH kéo giãn biên giới lớp học, mở ra bối cảnh sử dụng ngôn ngữ xác thực; phát huy khả năng của công cụ tìm kiếm thông tin và trao đổi hiệu quả. Các nghiên cứu ở Việt Nam cũng cho thấy tích hợp MXH vào dạy học theo dự án cải thiện tự học, tư duy phản biện và hứng thú; thực hiện trải nghiệm học tập thân thiện, tăng tự tin và động lực; thúc đẩy tự chủ, hỗ trợ lẫn nhau, mở rộng từ vựng và cải thiện tương tác, nhằm phát triển kỹ năng viết một cách chính xác, nhanh, bền vững.

2.2. *Thực trạng việc ứng dụng mạng xã hội trong việc phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Anh cho học sinh THCS*

Thực trạng ứng dụng MXH với những ưu thế về tính phù hợp, khả thi, hiệu quả đã được khẳng định trong các nghiên cứu ở trên thế giới (Tess, P. A., 2013; Vikneswaran, T., & Krish, P., 2015; Blake, R., 2016; Golonka, E. M., Bowles và cộng sự, 2014; Reinhardt, J., 2019; Siddig, B., 2020). Ở Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã đánh giá, khảo sát thực trạng ứng dụng MXH trong hoạt động dạy học tiếng Anh. Nhóm tác giả Tạ Thị Thanh Hiền, Ngô Thị Thu Trang, Kiều Thị Thu (2024) đề cập đến thực trạng phát triển năng lực sử dụng học liệu số trong dạy học tiếng Anh ở phổ thông. Các tác giả Nguyễn Thị Lan Ngọc, Nguyễn Văn Kiệt (2022), Nguyễn Thị Hồng Nhật, Nguyễn Thị Hoa (2024) nghiên cứu thực trạng tổ chức dạy học với sự hỗ trợ của MXH, sử dụng TikTok nhằm phát triển năng lực tự học cho HS, cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh ở lớp 10 (môn Vật lí, môn Tiếng Anh). Tác giả Trần Thị Cẩm Tú, Trần Thị Phương (2025) khảo sát, đánh giá thực trạng GD kỹ năng sử dụng MXH cho HS tại một số trường THCS trên ở Hà Nội. Các tác giả Lê Công Tuấn, Trịnh Quốc Lập, Ngô Huỳnh Hồng Nga (2024) nghiên cứu đặc điểm và các yếu tố gây ra tâm lí lo lắng khi học ngoại ngữ dựa trên lí thuyết văn hóa xã hội. Tác giả Hoàng Thị Tuyết (2025) đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường. Các tác giả Phạm Thị Phương Thức, Đặng Đức Anh (2025) xác định mối quan hệ giữa sử dụng Facebook với vấn đề cảm xúc, hành vi của HS THCS ở Hà Nội, Ninh Bình.

Các nghiên cứu nói trên đã đề cập đến một phương diện quan trọng là thực trạng của việc ứng dụng MXH trong việc phát triển năng lực ngoại ngữ, năng lực tiếng Anh cho HS phổ thông hiện nay. Thực tế cho thấy, nhiều cơ sở giáo dục cấm HS sử dụng điện thoại trong trường học, nhưng không thể kiểm soát các em sử dụng điện thoại, MXH trong cuộc

sống. Trong học kỳ 1 (năm học 2025 - 2026), chúng tôi đã tổ chức thăm dò ý kiến của các chuyên gia GD, giáo viên, cán bộ quản lý, cha mẹ HS, HS về thực trạng ứng dụng MXH trong việc dạy học môn Tiếng Anh cho HS ở một số trường THCS tại TP. Hồ Chí Minh. Số lượng đối tượng được thăm dò, hỏi ý kiến là 100 người (thuộc Trường THCS Nguyễn Văn Bá, phường Linh Chiểu; Trường THCS Bình Chiểu, phường Tam Bình; Trường THCS Bình Thọ, phường Thủ Đức); phương pháp thăm dò bằng phiếu hỏi, phỏng vấn trực tiếp, tư vấn ý kiến chuyên gia, sử dụng phần mềm tạo biểu mẫu trực tuyến google form. Kết quả khảo sát ban đầu đã khẳng định: 1) Hầu hết ý kiến đều khẳng định, HS THCS đều sử dụng MXH với mức độ, hình thức, mục đích khác nhau; 2) Gần một nửa ý kiến (chủ yếu của cha mẹ HS và HS) có khẳng định việc HS có sử dụng MXH để học tiếng Anh; 3) Các ý kiến đều cho rằng, có sự quan tâm của nhà trường, gia đình, xã hội đối với việc sử dụng MXH của HS, nhưng hiệu quả nằm ngoài sự quản lý; có quy định cấm việc sử dụng điện thoại trong nhà trường, nhưng thời gian ngoài nhà trường, ở gia đình, việc sử dụng MXH (trò chơi, xem phim, chat,...) của HS rất đa dạng, phức tạp, khó kiểm soát với nhà trường, với cha mẹ HS.

Từ những cơ sở lý luận và kết quả thăm dò sơ bộ, với cách tiếp cận của Tâm lý học giáo dục, chúng tôi xin có một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc ứng dụng MXH để phát triển kỹ năng nói và kỹ năng viết tiếng Anh của HS THCS trong bối cảnh hiện nay.

2.3. *Một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả việc ứng dụng mạng xã hội trong việc phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Anh cho học sinh THCS*

2.3.1. *Nhận thức đúng tiềm năng của mạng xã hội trong việc phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Anh cho học sinh THCS hiện nay*

Các nghiên cứu cho thấy MXH có tiềm năng đáng kể trong việc nâng cao kỹ năng sản sinh ngôn ngữ (nói, viết) thông qua các cơ chế tâm lý rõ rệt. Các nền tảng như facebook hay diễn đàn học tập mở rộng không gian thực hành xác thực, gia tăng tần suất đầu ra ngôn ngữ trong môi trường ít đe dọa, đồng thời tạo điều kiện nhận phản hồi nhanh, cụ thể, qua đó nâng đỡ cảm nhận năng lực. Sự tương tác, bình luận đồng cảm và đồng kiến tạo nội dung trong các cộng đồng học trực tuyến nuôi dưỡng nhu cầu gắn kết, làm gia tăng cảm xúc tích cực và tính bền bỉ của HS. Cơ chế phản hồi và thiết kế nhiệm vụ trên MXH củng cố niềm tin vào năng lực bản thân một cách có hệ thống. Việc quan sát các mô hình đồng đẳng thành công, cùng với khả năng xem lại lịch sử hoạt động để nhận thấy sự tiến bộ của chính mình, tạo ra bằng chứng trực quan giúp gia tăng tự tin. Các nhiệm vụ thường được sắp xếp tăng dần độ khó, cho phép trải nghiệm chu kỳ

thành công ngắn và tích lũy cảm giác làm được.

Bản chất đa phương thức và tính tương tác xã hội cao của MXH kích hoạt tính chủ động và sáng tạo trong sản sinh ngôn ngữ. HS không chỉ hoàn thành bài tập mà còn có thể khởi xướng chủ đề, phản biện và thiết kế sản phẩm đa dạng như vlog, bài viết minh họa, infographic, qua đó chuyển vai trò từ tiếp nhận thụ động sang chủ động kiến tạo. Sự kết hợp giữa hình ảnh, âm thanh và video làm tăng hứng thú, đồng thời mở rộng các kênh biểu đạt để vượt qua hạn chế về từ vựng hoặc ngữ pháp, giúp truyền tải thông điệp hiệu quả và sáng tạo hơn. Như vậy, giá trị cốt lõi của MXH không chỉ ở việc cung cấp công cụ luyện tập, mà quan trọng hơn là tạo lập một môi trường tâm lý - xã hội thuận lợi, nơi nhu cầu về năng lực, tự chủ và kết nối được đáp ứng, từ đó thúc đẩy động lực nội tại, xây dựng tự tin và khuyến khích tính chủ động, sáng tạo trong sử dụng ngôn ngữ đích.

Mạng xã hội sở hữu tiềm năng lớn như một công cụ hỗ trợ phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Anh cho HS THCS. Sức mạnh của MXH nằm ở khả năng thúc đẩy động lực nội tại, củng cố tự tin, mở rộng không gian học tập và làm giàu tương tác xã hội. Thành công của ứng dụng MXH không nằm ở bản thân công nghệ, mà phụ thuộc vào thiết kế hoạt động học dựa trên nền tảng vững chắc của Tâm lý học giáo dục. Một cách tiếp cận có ý thức, lấy người học làm trung tâm và phù hợp đặc điểm lứa tuổi HS THCS là chìa khóa để tối đa hóa lợi ích đồng thời giảm thiểu hệ quả tiêu cực. Vì vậy, cần phát triển, triển khai và đánh giá các mô hình tích hợp cụ thể theo từng nền tảng (Facebook, Instagram, TikTok, nền tảng chuyên biệt) và theo từng kỹ năng (nói, viết) trong bối cảnh cụ thể; phát huy vai trò giáo viên, gồm năng lực số, thái độ và thách thức trong thiết kế, quản lý hoạt động học qua MXH, qua đó xây dựng chương trình bồi dưỡng phù hợp, tạo điều kiện để lợi ích của MXH được hiện thực hóa một cách an toàn, bền vững.

2.3.2. Vượt qua những thách thức, rào cản tâm lý khi ứng dụng mạng xã hội trong việc phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Anh cho học sinh THCS

Các rào cản chính gồm sự phân tán chú ý, so sánh xã hội dẫn đến tự đánh giá thấp, thiếu tự kiểm soát và lệ thuộc vào chỉ số bề mặt, rủi ro an toàn tâm lý và đạo đức số, hành vi sao chép/làm dụng dịch máy, chênh lệch cơ hội tiếp cận và quá tải lựa chọn. Sự phân tâm và thiếu tự điều chỉnh làm suy giảm nhu cầu tự chủ; so sánh xã hội và phản hồi tiêu cực tổn thương cảm nhận năng lực; và cảm giác không an toàn phá vỡ nhu cầu gắn kết, kéo theo suy giảm động lực nội tại. Việc tiếp xúc thường xuyên với các mô hình “quá xuất sắc” hoặc nhận tương tác thấp có thể bào mòn niềm tin vào khả năng, dẫn đến né tránh nhiệm vụ. Môi trường thiếu kiểm soát có thể khuyến khích bất chước mô hình tiêu cực (đạo văn, ngôn ngữ thiếu chuẩn mực), trong khi phản

hồi không mang tính xây dựng không thể đóng vai trò củng cố cho hành vi học tập tích cực. Những thách thức này trầm trọng hơn ở HS THCS, giai đoạn các em tìm kiếm công nhận xã hội và nhạy cảm với đánh giá. Vì vậy, việc tích hợp MXH vào học tập cần đi kèm việc quản lý thời gian, đặt mục tiêu rõ ràng, thiết lập môi trường phản hồi an toàn với rubric cụ thể thay cho “lượt thích”, khuyến khích phản tư định kỳ để duy trì lòng tự trọng lành mạnh, phát triển tự đánh giá theo tiến bộ cá nhân và vượt qua các rào cản tâm lý của môi trường số. Mạng xã hội tồn tại như một con dao hai lưỡi, vừa thúc đẩy vừa có thể kìm hãm việc phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Anh, tùy thuộc mức độ định hướng và kiểm soát. Các hiệu ứng từ MXH, áp lực từ “lượt thích”, bình luận tiêu cực hoặc so sánh xã hội có thể làm tổn hại đến cảm nhận năng lực và sự tự hiệu quả, dẫn đến tâm lý ngại ngùng, sợ mắc lỗi của HS. Môi trường MXH thiếu an toàn, nơi các em có thể bị chỉ trích, sẽ phá hủy nhu cầu kết nối, khiến HS thu mình, không dám thử nghiệm ngôn ngữ.

Để tối ưu hóa lợi ích và giảm thiểu rủi ro, việc tích hợp MXH cần bám vào các điều kiện tâm lý sư phạm cụ thể. Cần thiết kế hoạt động rõ ràng và có cấu trúc: nhiệm vụ được chia nhỏ, kèm hướng dẫn và tiêu chí đánh giá minh định, qua đó nâng đỡ cảm nhận năng lực và giảm tải nhận thức. Kiến tạo môi trường an toàn về mặt tâm lý: sử dụng nhóm kín, thiết lập quy tắc ứng xử trực tuyến, khuyến khích phản hồi mang tính xây dựng thay vì phán xét cá nhân, nhằm bảo vệ tự tin và nhu cầu kết nối. Người giáo viên phải chủ động trong việc điều phối, phản hồi kịp thời, nêu gương tương tác tích cực; sự hiện diện liên tục của giáo viên là điểm tựa giữ mục tiêu học tập trước lực kéo giải trí của MXH. Đồng thời, cần GD kỹ năng tự quản lý và kỹ năng số cho HS, bao gồm quản lý thời gian, chiến lược chống phân tâm, và năng lực nhận diện, ứng phó với thông tin và tương tác tiêu cực.

2.3.3. Phối hợp thống nhất, đồng bộ của các chủ thể giáo dục trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả việc ứng dụng mạng xã hội để phát triển kỹ năng nói và viết tiếng Anh cho học sinh THCS

Trong bối cảnh hiện nay, việc ứng dụng MXH để phát triển năng lực tiếng Anh cho HS, cần có sự phối hợp đồng bộ của nhà trường, gia đình và xã hội. Nhà trường quản lý, định hướng, đề ra những yêu cầu, quy định cơ bản đối với HS về việc ứng dụng MXH; tổ chức bồi dưỡng, phát triển năng lực số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và HS; khuyến khích các sáng kiến về việc ứng dụng các MXH (google, classroom, facebook, zalo, youtube, tiktok học tập,...) để chia sẻ học liệu số, tương tác, kết nối cộng đồng trong việc dạy học môn Tiếng Anh. Giao trách nhiệm cho giáo viên hướng dẫn, định hướng HS sử dụng MXH đúng mục tiêu, nội dung phù hợp, tích cực; thường xuyên giám sát, theo dõi,

phát hiện những biểu hiện lệch chuẩn để uốn nắn, ngăn chặn kịp thời. Gia đình tham gia hướng dẫn, kiểm soát con em mình trong việc sử dụng MXH; phối hợp chặt chẽ với nhà trường, với giáo viên để hỗ trợ, giúp đỡ con em sử dụng MXH một cách khoa học, hiệu quả. Xã hội, các cấp chính quyền, đoàn thể cần phối hợp với các cơ sở GD để thực hiện số hóa trong các hoạt động dạy học, ứng dụng MXH trong việc học tập của HS; góp phần tạo ra môi trường lành mạnh, tích cực cho việc sử dụng MXH của HS; huy động các nguồn lực để đầu tư, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh việc phát triển công dân số.

3. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số, phát triển trí tuệ nhân tạo, việc ứng dụng MXH trong hoạt động của các cơ sở GD trở nên phổ biến. Ở các cấp học, bậc học, MXH được ứng dụng trong hoạt động dạy và học, hoạt động GD và đã được khẳng định là phù hợp, thích ứng, khả thi, hiệu quả. Không thể tránh được những hạn chế khi HS THCS sử dụng MXH, nhưng không thể cứ “quản không được thì cấm”. Biết khai thác, định hướng, quản lý tốt việc ứng dụng MXH trong việc dạy học môn Tiếng Anh là một trong những biện pháp góp phần đẩy nhanh, bền vững việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ phổ biến. Tiếng Anh ở nhà trường không chỉ là một môn học mà còn là phương tiện dạy học, môi trường GD. Để đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, hoạt động dạy học môn Tiếng Anh cần được đa dạng hóa về hình thức, phương pháp, môi trường, điều kiện dạy học. Việc ứng dụng MXH trong việc phát triển năng lực tiếng Anh cho HS THCS cần xuất phát từ những cơ sở lý luận, trong đó có các lý thuyết của Tâm lý học giáo dục, bám sát thực trạng, để phát huy hiệu quả tối đa, hạn chế những tiêu cực phát sinh, thực hiện tốt mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học trong kỷ nguyên mới ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Blake, R. (2016). *Technology and the four skills*. Language Learning & Technology, 20 (2), 129 -142.
- [2]. Golonka, E. M., Bowles, A. R., Frank, V. M., Richardson, D. L., & Freynik, S. (2014). *Technologies for foreign language learning: A review of technology types and their effectiveness*. Computer Assisted Language Learning, 27 (1), 70 - 105.
- [3]. Nguyễn Thị Lan Ngọc, Nguyễn Văn Kiệt (2022). *Tổ chức dạy học với sự hỗ trợ của mạng xã hội nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh: trường hợp dạy học bài “Cơ năng” (Vật lí 10)*. Tạp chí Giáo dục, T. 22 S. 2 (2022), tr. 34 - 39.
- [4]. Nguyễn Thị Hồng Nhật, Nguyễn Thị Hoa (2024). *Sử dụng TikTok để cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho học sinh lớp 10: Một nghiên cứu hành động*. Tạp chí Giáo dục, tập 24, số đặc biệt 7 (6/2024), tr.101 - 106.
- [5]. Reinhardt, J. (2019). *Social media in second and foreign language teaching and learning: Blogs, Wikis, and Social Networking*. Language Teaching, 52 (1), 1 - 39.
- [6]. Rudolf Pintner - John J.Ryan - Paul V.West - Lester D.Crow - Adolph W.Aleck - Samuel Smith (2023). *Tâm lý học giáo dục* (Trần Lê Gia Nguyên dịch). Nxb. Trithuc.
- [7]. Siddig, B. (2020). *Social media in teaching of languages*. International Journal of Emerging Technologies in Learning (IJET), 15 (12), 72 - 80.
- [8]. Nguyễn Đức Sơn, Lê Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Huệ, Bùi Thị Hạnh Phúc, Trần Quốc Thành, Trần Thị Lệ Thu. (2015). *Giáo trình Tâm lý học giáo dục*. Nxb. Đại học Sư phạm.
- [9]. Trần Thị Cẩm Tú, Trần Thị Phương (2025). *Thực trạng giáo dục kỹ năng sử dụng mạng xã hội cho học sinh tại một số trường trung học cơ sở trên địa bàn quận Long Biên, Thành phố Hà Nội*. Tạp chí Giáo dục, tập 25, số đặc biệt 4 (5/2025), tr.284 - 289.
- [10]. Lê Công Tuấn, Trịnh Quốc Lập, Ngô Huỳnh Hồng Nga (2024). *Nghiên cứu đặc điểm và các yếu tố gây ra tâm lý lo lắng khi học ngoại ngữ dựa trên lý thuyết văn hóa xã hội*. Tạp chí Giáo dục, tập 24, số 13 (7/2024), tr.42 - 46.

Application of social networks to develop English speaking and writing skills for the middle school students: An approach from educational psychology

Nguyen Thanh Liem, PhD Candidate, Ho Chi Minh City University of Technology and Engineering

Nguyen Van Tu, Ho Chi Minh City University of Technology and Engineering

Email: liemnt.ncs@hcmute.edu.vn.

Abstract: Approaching educational psychology in applying social networks to develop English speaking and writing skills for the mid-dle school students is an effective approach in the current context of digital transformation. Using research methods of educational sci-ence, the article presented some basic concepts, generalized basic psychological theories, assessed the current situation, and analyzed the positive and negative aspects of applying social networks, pro-posed recommendations to improve the quality and effectiveness of developing English speaking and writing skills for the middle school students, contributing to making English the second language in the schools.

Keywords: Educational psychology, social networks, English speak-ing and writing skills, middle school students.